Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 16/01/2023 09:44:01

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03/2023/QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp khác *(ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo)* của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 75/TTr-STC ngày 17 tháng 10 năm 2022, Công văn số 4417/STC-QLGCS ngày 07 tháng 11 năm 2022 và Công văn số 4989/STC-QLGCS ngày 22 tháng 12 năm 2022; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 179/BC-STP ngày 30 tháng 9 năm 2022; ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 367/HĐND-KTNS ngày 30 tháng 12 năm 2022 và ý kiến thống nhất của Ủy viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp khác *(ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo)* của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi.

b) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp khác *(ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo)* của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

2. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo)

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp khác *(ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo)* của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2023;

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp và tổ chức thực hiện

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình sự nghiệp đã được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, thì không xác định lại diện tích công trình sự nghiệp theo quy định tại Quyết định này. Trường hợp do thay đổi về cơ cấu tổ chức, biên chế dẫn tới thay đổi (tăng hoặc giảm) nhu cầu sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thì phải điều chỉnh diện tích công trình sự nghiệp theo quy định tại Quyết định này và tổ chức điều chỉnh dự án theo quy định của pháp luật có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập đã xây dựng công trình sự nghiệp nhưng chưa đủ theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này thì không xây dựng bổ sung diện tích công trình sự nghiệp mà bố trí, sắp xếp diện tích hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo phục vụ công tác. Trường hợp không thể bố trí được, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo cấp có thẩm quyền theo phân cấp xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế, Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Uỷ ban MTTQVN tỉnh, các Hội, đoàn thể tỉnh;
- Thành ủy, thị ủy, huyện ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, KTN, KGVX;
- Lưu: VT, KTTHanh12

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Phiên

Phụ lục

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên đơn vị/công trình sự nghiệp	Diện tích tối đa (m^2)
1	**Trung tâm Kỹ thuật Nông - Lâm nghiệp Dung Quất**	
	Nhà chế biến và kho dụng cụ	120
	Nhà trưng bày - giới thiệu sản phẩm	72
	Kho thuốc Bảo vệ thực vật	12
	Nhà kho vật tư nông nghiệp	200
2	**Thư viện Tổng hợp tỉnh**	
	Phòng đọc sách, báo dành cho người cao tuổi	500
3	**Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Quảng Ngãi**	
	Sân vận động, 25.000 chỗ ngồi (không mái che)	22.000
	Nhà ở Vận động viên	250
	Nhà thi đấu đa năng	5.000
	Khu Liên hiệp thể dục, thể thao	
	Sân vận động Trung tâm (20.000 chỗ ngồi) có mái che	20.000
	Bể bơi mái che, khán đài 2.000 chỗ ngồi	5.000
	Nhà thi đấu đa năng 2.000 chỗ ngồi	6.000
	Khối nhà lớp học	1.000
	Nhà tập luyện đa năng	2.000
	Khối nhà nội trú cho học sinh	1.000
	Khối nhà ăn + bếp ăn tập thể	500
4	**Trung tâm văn hóa Nghệ thuật tỉnh**	
	Nhà triển lãm	3.200
	Rạp chiếu phim	1.000
	Trung tâm Hội nghị	4.000
	Diện tích sử dụng cho luyện tập Ca	100
	Diện tích sử dụng cho luyện tập Múa	200
	Diện tích sử dụng cho luyện tập Nhạc	100
	Hội trường lớn (từ 150 chỗ ngồi trở lên để báo cáo chương trình và biểu diễn)	700
5	**Ban Quản lý khu chứng tích Sơn Mỹ** *(Thôn Tư cung, Xã Tịnh Khê, TP. Quảng Ngãi)*	
	Gian thờ 504 nạn nhân trong vụ thảm sát Sơn Mỹ	250

STT	Tên đơn vị/công trình sự nghiệp	Diện tích tối đa (m^2)
	Sàn trưng bày trong nhà	500
	Sàn kho bảo quản	100
	Đền thờ chính Anh hùng dân tộc Trương Định	400
	Phòng trưng bày chuyên đề	150
	Phòng đón tiếp khách tham quan đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định	150
6	**Bảo tàng Tổng hợp tỉnh**	
6.1	*Bảo tàng Tổng hợp tỉnh (Số 99 Lê Trung Đình, TP Quảng Ngãi)*	
	Nhà trưng bày	2.000
	Nhà kho bảo quản hiện vật	500
6.2	*Bảo tàng khởi nghĩa Ba Tơ (Thị trấn Ba Tơ, Huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi)*	
	Nhà trưng bày	1.000
	Nhà kho bảo quản	300
	Nhà đón tiếp khách tham quan	200
6.3	*Bảo tàng Chiến thắng Vạn Tường (Xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, TP. Quảng Ngãi)*	
	Nhà trưng bày	600
6.4	*Khu lưu niệm Thủ tướng Phạm Văn Đồng (Xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng ngãi)*	
	Giang tưởng niệm	300
	Nhà trưng bày	400
	Khu làm việc, thư viện phòng chiếu phim và nhà cầu nối	400
	Khu nhà bảo vệ, đón tiếp khách	100
	Nhà di tích	300
	Nhà thờ Ông nội bác Phạm Văn Đồng	100
6.5	*Nhà trưng bày văn hóa Sa Huỳnh (thị xã Đức Phổ)*	2.000
7	**Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Ngãi**	
	Phim trường Tổng hợp (250 khán giả)	500
	Phim trường Chuyên đề, Chuyên mục	150
	Phim trường ảo	100
	Phim trường Thời sự	80
	Phòng kỹ thuật Studio tổng hợp	60
	Phòng kỹ thuật Studio Thời sự	40
	Phòng Tổng khống chế + Server	50
	Phòng kỹ thuật Phim trường Chuyên đề	40
	Phòng đặt máy phát Số DVD-T2	50
	Phòng dựng truyền hình	40

STT	Tên đơn vị/công trình sự nghiệp	Diện tích tối đa (m^2)
	Phòng thu âm phát thanh 1	40
	Phòng Kỹ thuật thu âm phát thanh 1	20
	Phòng thu âm phát thanh 2	20
	Phòng Kỹ thuật thu âm phát thanh 2	40
	Phòng đặt máy phát FM	50
	Phòng dựng, truyền dẫn phát thanh	40
8	**Trung tâm Điều dưỡng người có công**	
	Nhà ở đối tượng Người có công nuôi dưỡng *(khoảng 24 người)*	144
	Nhà ở đối tượng Người có công đến điều dưỡng *(khoảng 60 người)*	360
	Nhà ăn, bếp nấu *(khoảng 100 người)*	100
	Phòng lưu trữ vật dụng, thức ăn …	12
	Phòng thư viện đọc sách *(khoảng 60 người)*	108
	Phòng y tế	18
	Nhà tập đa năng, phục hồi chức năng *(khoảng 60 người)*	108
	Hội trường lớn sinh hoạt chung, văn hoá văn nghệ *(khoảng 100 người)*	180
9	**Trung tâm Công tác xã hội**	
9.1	*Trụ sở 1*	
	Nhà Nuôi dưỡng đối tượng BTXH	
	Nhà ở đối tượng tự phục vụ *(khoảng 300 người)*	1.800
	Nhà ở đối tượng không tự phục vụ 24/24 *(khoảng 100 người)*	800
	Phòng học (đối với trẻ em và người đi học, học nghề) 30 chỗ *1,5m^2/1 chỗ *(tính cho 1 phòng)*	45
	Nhà ăn, bếp nấu *(khoảng 400 người)*	400
	Phòng lưu trữ vật dụng, thức ăn …	12
	Phòng sinh hoạt nhóm, xem ti vi, thư viện *(khoảng 300 người)*	540
	Phòng y tế	18
	Nhà tập đa năng, phục hồi chức năng *(khoảng 300 người)*	540
	Hội trường lớn sinh hoạt chung, văn hoá văn nghệ *(khoảng 300 người)*	540
	Nhà xưởng thực hành và lao động trị liệu (khoảng 100 người)	180
9.2	*Trụ sở 2*	
9.2.1	*Nhà nuôi dưỡng đối tượng Tâm thần*	
	Nhà ở đối tượng tự phục vụ *(khoảng 100 người)*	600

STT	Tên đơn vị/công trình sự nghiệp	Diện tích tối đa (m^2)
	Nhà ở đối tượng không tự phục vụ 24/24 *(khoảng 200 người)*	1.600
	Nhà ăn, bếp nấu *(khoảng 300 người)*	300
	Phòng lưu trữ vật dụng, thức ăn … *(khoảng 100 người)*	12
	Phòng sinh hoạt nhóm, xem tivi, thư viện (khoảng 100 người)	180
	Phòng y tế	18
	Nhà tập đa năng, phục hồi chức năng *(khoảng 300 người)*	540
	Hội trường lớn sinh hoạt chung, văn hoá văn nghệ *(khoảng 300 người)*	540
	Nhà xưởng thực hành và lao động trị liệu *(khoảng 100 người)*	180
9.2.2	*Nhà nuôi dưỡng đối tượng cai nghiện*	
	Nhà ở đối tượng bình quân *(khoảng 120 người)*	720
	Nhà ở đối tượng không tự phục vụ 24/24 *(khoảng 30 người)*	240
	Phòng học (đối với người từ 12 - 18 tuổi và người học nghề) 30chỗ* 1,5m^2/1 chỗ *(tính cho 1 phòng)*	45
	Nhà ăn, bếp nấu *(khoảng 150 người)*	150
	Phòng lưu trữ vật dụng, thức ăn ...	12
	Phòng sinh hoạt nhóm, xem tivi, thư viện *(khoảng 150 người)*	270
	Nhà cai nghiện *(khoảng 150 người)*	270
	Nhà tập đa năng, phục hồi chức năng *(khoảng 150 người)*	270
	Hội trường lớn sinh hoạt chung, văn hoá văn nghệ *(khoảng 300 người)*	540
	Nhà xưởng thực hành và lao động trị liệu *(khoảng 100 người)*	180
10	**Công trình sự nghiệp của huyện, thị xã, thành phố**	
	Nhà lễ tân	285
	Nhà văn hóa	5.000
	Nhà bảo tàng	3.100
	Nhà thi đấu đa năng	1.500